

QUYẾT ĐỊNH

Công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2024

Căn cứ điều lệ trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGGĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về công khai tranh hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 08 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Về việc cấp bổ sung dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Hoàng Bồ. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Địa điểm công khai phòng họp hội đồng, bảng thông báo, trang website của nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Ban giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Giáo dục QN;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu :VT, KT.



Nguyễn Thị Định

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Hoàn Kiếm

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (BỔ SUNG)

(Kèm theo Quyết định số: 68a/QĐ-THPTHB ngày 12/08/2024 của trường THPT Hoàn Kiếm)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
I	Số thu phí, lệ phí	-
1	Lệ phí	
2	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.160
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.160
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.160
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	20.160
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Số: 934 /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp bổ sung dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024
cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung, điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-SGDĐT, ngày 02/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ nhu cầu mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Sở.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bổ sung dự toán mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu năm 2024 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là **9.363.277.000 đồng** (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao bổ sung, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện phân khai kinh phí đảm bảo đúng quy định của Nhà nước. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 899/QĐ-SGDĐT, ngày 31/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Trưởng phòng Giáo dục phổ thông; Giám đốc trung tâm HN và GDTX tỉnh và Hiệu trưởng các Trường có cấp THPT công lập căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Sở Tài chính;
- KBNN Tỉnh (huyện, thị xã, thành phố);
- Ban QLDA ĐTXD DD và CN Tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC₀₂.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thúy

Ký bởi: Chu Việt Phương

Phụ lục : Kinh phí cấp bổ sung mua sắm trang thiết bị dạy học tối thiểu cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (theo Quyết định số: 3839/QĐ-UBND, ngày 12/12/2023 và Quyết định 2142/QĐ-UBND ngày 23/7/2024)

(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-SGDDT ngày 08/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng Kinh phí được cấp theo QĐ 3839/QĐ-UBND và 2142/QĐ-UBND	Trong đó:		Kinh phí đã phân bổ tại QĐ số 158/QĐ-SGDDT	Trong đó:		Kinh phí cấp bổ sung	Trong đó:		Ghi Chú
			Quyết định 3839/QĐ-UBND	Quyết định 2142/QĐ-UBND		Quyết định 3839/QĐ-UBND	Quyết định 2142/QĐ-UBND		Quyết định 3839/QĐ-UBND	Quyết định 2142/QĐ-UBND	
A	B	1 =2+3	2	3	4 =5+6	5	6	7 =8 +9	8	9	C
1	Trường THPT Trần Phú	708.820.000	708.820.000		693.369.000	693.369.000		15.451.000	15.451.000		
2	Trường THPT Lý Thường Kiệt	741.714.000	741.714.000		741.714.000	741.714.000					
3	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cường	490.794.000	490.794.000		490.794.000	490.794.000					
4	Trường THPT Quảng Hà	1.607.602.000	1.607.602.000		826.747.000	826.747.000		780.855.000	780.855.000		
5	Trường THPT Đàm Hà	460.708.000	460.708.000		460.708.000	460.708.000					
6	Trường THPT Bình Liêu	1.606.223.000	1.606.223.000		932.343.000	932.343.000		673.880.000	673.880.000		

18	Trường THPT Cẩm Phả	935.413.000	784.440.000	150.973.000	784.440.000	784.440.000		150.973.000		150.973.000	
19	Trường THPT Lê Quý Đôn	844.716.000	844.716.000		617.931.000	617.931.000		226.785.000	226.785.000		
20	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	838.692.000	838.692.000		287.635.000	287.635.000		551.057.000	551.057.000		
21	Trường PTDTNT THCS&THPT Tĩnh	1.157.441.000	1.157.441.000		1.157.441.000	1.157.441.000					
22	Trường THPT Chuyên Hạ Long	2.097.530.000	2.097.530.000		2.087.530.000	2.087.530.000		10.000.000	10.000.000		
23	Trường THPT Hòn Gai	3.374.440.000	3.374.440.000		1.352.788.000	1.352.788.000		2.021.652.000	2.021.652.000		
24	Trường THPT Ngô Quyền	1.764.655.000	1.485.807.000	278.848.000	649.005.000	649.005.000		1.115.650.000	836.802.000	278.848.000	
25	Trường THPT Bãi Cháy	2.142.645.000	1.491.517.000	651.128.000	1.342.412.000	1.342.412.000		800.233.000	149.105.000	651.128.000	
26	Trường THPT Hoành Bồ	695.715.000	675.555.000	20.160.000	675.555.000	675.555.000		20.160.000		20.160.000	
27	Trường THCS&THPT Quảng Là	908.592.000	455.771.000	452.821.000	455.771.000	455.771.000		452.821.000		452.821.000	
28	Trường THPT Đông Thành	302.627.000	302.627.000		302.627.000	302.627.000					
29	Trường THPT Bạch Đằng	1.660.818.000	1.660.818.000		1.660.818.000	1.660.818.000					



7	Trường THCS&THPT Hoàng Mô	1.935.353.000	1.935.353.000		521.326.000	521.326.000		1.414.027.000	1.414.027.000		
8	Trường THPT Ba Chẽ	638.844.000	638.844.000		619.062.000	619.062.000		19.782.000	19.782.000		
9	Trường THCS&THPT Hải Đông	401.713.000	401.713.000		401.713.000	401.713.000					
10	Trường PTDTNT THCS&THPT Tiên Yên	374.575.000	374.575.000		374.575.000	374.575.000					
11	Trường THPT Tiên Yên	820.188.000	820.188.000		820.188.000	820.188.000					
12	Trường THPT Hải Đảo	1.660.073.000	1.660.073.000		994.321.000	994.321.000		665.752.000	665.752.000		
13	Trường THCS&THPT Quan Lạn	150.869.000	150.869.000		145.508.000	145.508.000		5.361.000	5.361.000		
14	Trường THPT Cô Tô	440.987.000	440.987.000		440.987.000	440.987.000					
15	Trường THPT Mông Dương	591.360.000	591.360.000		325.411.000	325.411.000		265.949.000	265.949.000		
16	Trường THPT Cửa Ông	542.532.000	542.532.000		542.532.000	542.532.000					
17	Trường THPT Lê Hồng Phong	747.922.000	747.922.000		685.103.000	685.103.000		62.819.000	62.819.000		

30	Trường THPT Minh Hà	1.130.151.000	1.022.501.000	107.650.000	1.022.501.000	1.022.501.000		107.650.000		107.650.000	
31	Trường THPT Ưông Bí	1.425.061.000	1.425.061.000		1.425.061.000	1.425.061.000					
32	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	582.642.000	582.642.000		582.642.000	582.642.000					
33	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	873.462.000	873.462.000		873.462.000	873.462.000					
34	Trường THPT Hoàng Quốc Việt	1.559.899.000	1.559.899.000		1.559.899.000	1.559.899.000					
35	Trường THPT Đông Triều	982.823.000	982.823.000		982.823.000	982.823.000					
36	Trường THPT Lê Chân	618.786.000	618.786.000		618.786.000	618.786.000					
37	Trung tâm HN&GDTX Tỉnh	919.140.000	916.720.000	2.420.000	916.720.000	916.720.000		2.420.000		2.420.000	
Tổng cộng:		38.735.525.000	37.071.525.000	1.664.000.000	29.372.248.000	29.372.248.000		9.363.277.000	7.699.277.000	1.664.000.000	